**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: *TOÁN- LỚP 2***

# **BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ**

**(tiết 1)**

# **Tiết chương trình: 16**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Gọi được tên các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.

- Nêu được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn

đến phép cộng, phép trừ.

- Sử đụng sơ đồ tách — gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).

- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV.

- Hình vẽ, tranh ảnh cho bài tập 9

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH*** |
| **5’**  **25’**  **5’** | **1. Hoạt động khởi động**  -Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  - GV tổ chức cho HS cả lớp chơi trò chơi: Đố bạn  - GV hỏi: Tám nưrơi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?  + GV hỏi: Gộp 80 và 7 được số nào?  - GV cho HS bắt cặp theo nhóm đôi, chơi trò chơi  **2. Luyện tập thực hành**  -HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.  ***Bài 1***  - GV cho HS nhóm hai tìm hiểu bài, nhận biết:  + Yêu cầu của bài: Số  + Tìm quy luật của dãy số (câu a thêm 1, câu b thêm 2, câu c thêm 10)  - GV yêu cầu HS đếm thêm số điền vào các dấu ?, viết vào bảng con.  - GV gọi 3 HS lên bảng điền số, giải thích tại sao lại điền như vậy?  - GV tuyên dương, khen ngợi HS viết đúng số  ***Bài 2***  -GV cho HS thảo luận nhóm đôi để tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện:   * Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3 * Viết bốn phép tính với ba số 43; 70 và 3   - GV cho HS làm việc nhóm đôi phân tích số dựa vào mẫu:  - GV gọi HS lên bảng trình bày, phân tích cấu tạo số  - GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp  ***Bài 3***  - GV chỉ vào từng số trong các phép tính, gọi lần lượt 2 HS gọi tên thành phần trong phép tính  - GV cho HS làm việc nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách – gộp số rồi đọc phép tính để tìm số bị che.  - GV gọi HS lên bảng trình bày, thay dấu ? bằng phép tính thích hợp  -GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp  ***Bài 4***  - GV cho HS đọc đề, tìm hiểu bài để nhận biết yêu cầu của bài  - GV đọc phép tính, cho cả lớp HS thực hiện phép tính vào bảng con  \* Lưu ý HS đặt đúng phép tính 8 + 41  - GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp  ***Bài 5***  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài và hòan thành bài  + Yêu cầu của bài so sánh – điền dấu  - GV gọi các nhóm lên bảng trình bày kết quả, giải thích tại sao chọn điền dấu đó  - GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, giải thích chính xác  **3. Vận dụng:**  -HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”  - GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn các số gia đình. Khi GV đưa bảng con ra, HS viết các phép tính vào bảng con. (Chơi theo nhóm bốn, mỗi em viết mỗi phép tính cho đủ 2 phép cộng và 2 phép trừ).  Chơi khoảng 3 lần, nhóm nào nhiều lần đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.  - GV đưa bảng: 57; 13; 44. Các nhóm HS viết phép tính vào bảng con  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện nhanh nhất, đúng nhất | - Cả lớp nói: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.  + Cả lớp nói: Gộp 80 và 7 được 87  - HS bắt cặp theo nhóm đôi tham gia chò trơi.  - HS thảo luận nhóm đôi nhận biết yêu cầu của bài.  - HS điền số viết vào bảng con  - HS lên bảng điền số và giải thích:  a) Đếm thêm 1: 34; 35; 36; 37; **38; 39; 40**  b) Đếm thêm 2: 35; 37; 39; 41; **43; 45; 47**  c) Đếm thêm 10: 23; 33; 43; 53; **63; 73; 83**  - HS lắng nghe GV  - HS quan sát mẫu, thảo luận nhóm đôi  - HS thực hiện theo nhóm đôi, phân tích số 36  HS phân tích: 36 gồm 30 và 6  30 + 6 = 36 6 + 30 = 36  36 – 6 = 30 36 – 30 = 6  - HS lắng nghe GV nhận xét  - HS gọi tên từng số:   * 34 + 52 = 86: 34 là số hạng, 52 là số hạng và 86 là tổng * 86 – 52 = 34: 86 là số bị trừ, 52 là số trừ và 34 là hiệu.   - HS thảo luận nhóm đôi  - HS điền số thích hợp:  34 = 86 – 52  52 = 86 – 34  86 = 34 + 52  - HS lắng nghe  - HS đọc đề nhận biết yêu cầu: Đặt tính rồi tính.  - HS thực hiện phép tính vào bảng con:  **37**  **15**  **22**  **-**  **8**  **41**  **49**  **+**  **62**  **24**  **86**  **+**  - HS lắng nghe  - HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu của GV  - Các nhóm HS trình bày kết quả và các bước làm của nhóm mình  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi  - HS viết phép tính:  **13 + 44 = 57**  **44 + 13 = 57**  **57 – 13 = 44**  **57 – 44 = 13**  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC :**

**…………………………………………………………………………………………**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**